

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-ST

Ngày 24-4-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Kim An
2. Bà Kiều Việt Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nha - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2022/TLST- DS, ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST- DS, ngày 09 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-DS, ngày 06 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà PTMT, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Bị đơn:** Bà NTH, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn NH, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà PTMT trình bày:

Vào ngày 26 tháng 01 năm 2021, bà NTH có vay của bà số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Khi vay tiền của bà thì bà H có viết giấy mượn tiền. Tại Giấy mượn tiền bà H có ghi hẹn đến ngày 26/11/2021 sẽ hoàn

trả tiền cho bà, không ghi về lãi suất cho vay, nhưng có thỏa thuận bằng lời nói là vay theo lãi suất ngân hàng.

Quá thời hạn trả nợ nhưng bà H không trả nợ nên bà T đã nhiều lần đến nhà yêu cầu bà H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng đến nay bà H vẫn không chịu trả nợ.

Vì vậy, nay bà PTMT yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà NTH phải có nghĩa vụ trả cho bà PTMT số tiền nợ gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Về tiền lãi, tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu bà H phải trả tiền lãi cho bà theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày vay tiền đến ngày khởi kiện là 22.000.000đồng. Tại phiên tòa, bà T đã rút bớt một phần yêu cầu về tiền lãi, bà T không yêu cầu bà H phải trả tiền lãi trong thời gian vay từ ngày 26/01/2021 đến ngày 26/11/2021, bà T yêu cầu bà H phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày quá hạn trả nợ 27/11/2021 đến ngày xét xử.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành đã tiến hành tông đạt các văn bản tố tụng và triệu tập bị đơn bà NTH đến Tòa án để giải quyết vụ án; nhưng bà H đều vắng mặt, nên không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm nghị án Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 48, Điều 198 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 40, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/ NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà PTMT; buộc bà NTH phải trả số tiền 114.047.000đồng, trong đó nợ gốc 100.000.000đồng, nợ lãi từ ngày 26/11/2022 đến ngày 24/4/2023 là 14.047.000đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với phần lãi suất từ ngày 26/01/2021 đến ngày 16/11/2022. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà NTH có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành được quy định tại Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Tại “Giấy mượn tiền” lập ngày 26/01/2021 bà NTH có ghi địa chỉ thường trú ở xã H, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Tại đơn khởi kiện, bà PTMT đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bà NTH.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì “Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới”.

Theo điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQHĐTP, ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao quy định: “Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, theo địa chỉ được ghi trong giao dịch hợp đồng bằng văn bản thì được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn”.

Nhưng bà H đã bỏ đi khỏi địa phương, thay đổi nơi cư trú mới mà không thông báo cho bà T biết về nơi cư trú mới, nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự; điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQHĐTP, ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao quy định thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, vụ án sẽ được xét xử theo thủ tục chung.

Theo Biên bản xác minh ngày 19/12/2022, Trưởng công an xã H cho biết bà NTH có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn NH, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Nhưng hiện nay, bà H đi khỏi địa phương và không báo nên công an xã không biết hiện bà H ở đâu.

[2.2] Bị đơn bà NTH đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt. Tại phiên tòa ngày 06/4/2023, bà NTH vắng mặt, căn cứ vào Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa, ngày 24/4/2023 bà H tiếp tục vắng mặt, không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà PTMT cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là bản chính “Giấy mượn tiền” lập ngày 26/01/2021 có tên người viết giấy và ký giấy mượn tiền là bà Nguyễn Thị Hương. Bà PTMT cũng đã thực hiện việc gửi đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho bà NTH qua đường bưu chính, Tòa án cũng đã thực hiện niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi ở, Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của bà NTH và tại Tòa án, nhưng bà NTH không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà PTMT, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho quyền lợi của mình.

Nay bà PTMT khởi kiện yêu cầu bà NTH phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 100.000.000đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Tại “ Giấy mượn tiền” lập ngày 26/01/2021, không ghi về tiền lãi, bà T trình bày là vay có lãi, bà H không có ý kiến trình bày nên không xác định rõ được lãi suất, tại phiên tòa bà PTMT đã rút bớt một phần yêu cầu bà H phải trả tiền lãi trong thời gian vay từ ngày 26/01/2021 đến ngày 26/11/2021. Xét thấy việc rút bớt một phần yêu cầu của bà PTMT là hoàn toàn tự nguyện, vì vậy căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà PTMT về việc yêu cầu bà H phải trả tiền lãi trong thời gian vay từ ngày 26/01/2021 đến ngày 26/11/2021, nếu sau này bà T khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Bà PTMT không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Nay bà T yêu cầu bà H phải trả tiền lãi theo mức lãi suất là 10%/năm, tính từ ngày 27/11/2021 đến ngày 24/4/2023, nhận thấy yêu cầu này của bà T là phù hợp quy định tại Điều 466, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử giải quyết buộc bà H phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho T theo lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm, cụ thể tiền lãi sẽ được tính như sau: Tiền lãi tính từ ngày 27/11/2021 đến ngày 24/4/2023: 100.000.000đồng x 10%/ năm x 16 tháng 28 ngày = 14.047.000đồng;

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà PTMT được chấp nhận. Hội đồng xét xử tuyên buộc bà NTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là (100.000.000đ + 14.047.000 đồng) x 5%= 5.702.350đồng, làm tròn số là 5.702.000đồng (Năm triệu bảy trăm lẻ hai nghìn đồng) theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả lại cho bà PTMT số tiền tạm ứng án phí 2.500.000đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số 0001656, ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành và số tiền 550.000đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số 0001665, ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 3 Điều 40; Điều 463; Điều 466; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQHĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà PTMT, buộc bà NTH phải trả cho bà PTMT số tiền tổng cộng là 114.047.000đồng (Một trăm mười bốn triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn đồng), trong đó có 100.000.000đồng tiền nợ gốc và 14.047.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà PTMT về việc yêu cầu bà NTH phải trả tiền lãi trong thời gian vay từ ngày 26/01/2021 đến ngày 26/11/2021.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà NTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.702.000đồng (Năm triệu bảy trăm lẻ hai ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho bà PTMT số tiền tạm ứng án phí 2.500.000đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số 0001656, ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành và số tiền 550.000đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số 0001665, ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Nghĩa Hành;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Bình